

MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA VÀ VĂN MINH ĐÔ THỊ HUẾ

NGUYỄN VĂN MẠNH

Văn hóa được xác định bao gồm tất cả các giá trị vật chất và tinh thần, tính cách và lối sống truyền thống của một dân tộc, một cộng đồng xã hội. Nó tồn tại qua thời gian, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thông qua sự giáo dục của gia đình, dòng tộc, xã hội. Từ đó văn hóa thấm sâu vào lối sống của cộng đồng dân cư và trở thành bản sắc riêng, cốt cách riêng của một dân tộc, một quốc gia.

Bởi vậy văn hóa thường mang tính kế thừa, tính dân tộc. Tính kế thừa là trao truyền từ đời này qua đời khác; tính dân tộc là bản sắc văn hóa của cộng đồng quốc gia đó, dân tộc đó. Và như vậy văn hóa càng phát triển, càng đòi hỏi tính đặc trưng, tính truyền thống để hòa nhập nhưng không bị hòa tan trong xu thế vận động và phát triển của xã hội loài người.

Văn minh đô thị được xác định bao gồm tất cả các phương tiện kỹ thuật hiện đại để đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của con người. Văn minh đô thị thiên về khoa học kỹ thuật nhằm giúp cho con người tổ chức cuộc sống, nhất là cuộc sống vật chất được thuận lợi hơn, hợp lý hơn, đầy đủ hơn. Vì vậy, nếu như quy luật vận động của văn hóa đòi hỏi sự khu biệt, đặc thù, thì quy luật vận động của văn minh đô thị là sự vươn lên tiến kịp, hòa đồng với các nền văn minh khác trên thế giới.

Nói như vậy, xem chừng có sự tách bạch giữa văn hóa và văn minh. Thực ra giữa chúng có mối quan hệ rất chặt chẽ. Văn minh phải dựa trên nền tảng văn hóa, lấy văn hóa làm bệ đỡ, làm định hướng. C.Mác đã từng cảnh báo, phát triển văn minh mà không lấy văn hóa làm định hướng thì sẽ biến phía sau thành hoang mạc. Nhưng bảo tồn văn hóa mà không chú ý đến văn minh hiện đại thì rất dễ rơi vào tình trạng bảo thủ, trì trệ và lạc hậu. Bởi vậy, văn hóa và văn minh phải được coi là hai người bạn đồng hành bổ trợ cho nhau.

Văn hóa giúp cho văn minh có tính định hướng; văn minh bổ sung cho văn hóa tính hiện đại, hội nhập và phát triển.

Như vậy không thể vì chú trọng phát triển văn minh mà xao nhãng, lãng quên văn hóa truyền thống, cũng như không thể quá chú trọng đến văn hóa truyền thống mà coi nhẹ sự phát triển văn minh đô thị.

Ở nước ta, trong những năm gần đây, nhiều địa phương đã phát triển nhanh quá trình văn minh đô thị. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là giải quyết như thế nào về mối quan hệ giữa văn hóa và văn minh đô thị? Thực tiễn cho thấy nhiều địa phương đã tỏ ra lúng túng, vướng mắc giữa bảo tồn và phát triển, giữa văn hóa và văn minh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đô thị.

Nói đến văn hóa và bảo tồn văn hóa không có nghĩa là giữ gìn, bê nguyên khuôn mẫu văn hóa của ông cha vào xã hội hiện đại, mà phải biết phân loại, xác định những gì thuộc về giá trị truyền thống cần được lưu giữ, những gì cần được loại bỏ, đổi mới để phù hợp với xu thế phát triển. Cái cần được giữ gìn là lối sống trọng tình, truyền thống yêu nước, yêu quê hương tha thiết, là đức hy sinh, tinh thần cần cù sáng tạo, là những giá trị vật chất và tinh thần thuộc về di sản văn hóa dân tộc, như các làn điệu dân ca, dân vũ, ẩm thực, trang phục, các loại hình kiến trúc dân gian, các di tích lịch sử văn hóa... Cái cần loại bỏ là lối sống qua loa, đại khái, bệnh sĩ, hẹp hòi, thiếu cận, cục bộ địa phương, cào bằng, ích kỷ, kèn cựa, ganh tỵ, trì trệ... Lối sống đó hoàn toàn xa lạ với lối sống khoa học, khẩn trương, năng động, chính xác, dám nghĩ dám làm của văn minh đô thị.

Còn nói đến văn minh đô thị, thực chất là đề cập đến tăng trưởng kinh tế, quy hoạch đô thị, quá trình công nhân hóa và lối sống thị dân. Vì vậy, giải quyết tốt mối quan hệ giữa văn hóa và

văn minh đô thị chúng ta sẽ xây dựng được chiến lược phát triển bền vững xã hội ở các thành phố nước ta hiện nay. Làm thế nào để văn hóa vừa là động lực, bệ đỡ, vừa là định hướng cho sự phát triển xã hội, văn minh vừa là nền tảng của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đô thị, vừa là sự hòa hợp với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Không được nhân danh bảo tồn văn hóa để cản trở sự phát triển văn minh đô thị, cũng không được nhân danh văn minh đô thị để phá vỡ văn hóa truyền thống. Phải tạo nên sự kết hợp hài hòa trên mọi lĩnh vực cả về nhận thức và chỉ đạo thực tiễn giữa văn hóa và văn minh đô thị mới mong có sự ổn định và phát triển bền vững các thành phố ở nước ta hiện nay trước những thách thức mang tính thời đại.

Vậy văn hóa vật thể Huế có những đặc trưng gì cần chú ý trong quá trình phát triển văn minh đô thị? Theo chúng tôi những đặc trưng đó là:

1. Kiến trúc đô thị Huế có truyền thống trên nền kiến trúc “tạo cảnh”: Với phong cách riêng, quần thể kiến trúc kinh thành, đền đài, lăng tẩm, nhà cửa nơi đây đã hòa quyện cùng ngoại cảnh thiên nhiên thơ mộng của sông suối, núi rừng, bãi bồi xứ Huế. Vì thế nhiều nhà nghiên cứu văn hóa nước ta đã nhận xét, nếu như Đà Nẵng là thành phố của đá thì Huế là thành phố của nhà vườn, là thành phố có nền kiến trúc “tạo cảnh”- thiên nhiên, kiến trúc và con người hòa quyện vào nhau. Quốc Sử Quán triều Nguyễn khi nói lên lý do chọn Huế làm kinh đô đã từng viết: “Nơi miền núi, miền biển đều hợp về, đứng giữa miền Nam, miền Bắc, đất đai cao ráo, non sông phẳng lặng, đường thủy có cửa Thuận An, cửa Tư Hiền sâu hiểm, đường bộ có Hoàn Sơn, ải Hải Vân chận ngang, sông lớn giăng phía trước, núi cao phủ phía sau, rồng cuộn hổ ngồi, hình thế vững chãi, ấy là do trời đất xếp đặt, thật là thượng đê...”⁽¹⁾. Với cái nhìn phong thủy, kinh đô Huế được xây dựng trên một địa thế núi sông, âm dương hòa hợp, tạo nên một không gian kiến trúc “tạo cảnh” mang nhiều triết lý sâu xa, huyền bí.

2. Cũng nằm trong không gian kiến trúc “tạo cảnh”, nhà vườn Huế được coi là một nét văn hóa vật thể truyền thống đặc trưng. Nhà vườn Huế thể hiện triết lý sâu xa của con người xứ Huế: hướng nội, suy tư, hòa quyện vào thiên nhiên, gửi gắm lòng mình vào cỏ cây, hoa lá. Loại kiến trúc này lấy ngôi nhà làm trung tâm, trong đó người ta đặc biệt chú ý đến cả kết cấu kiến trúc (chạm khắc, tạo dáng tỉ mỉ, tinh vi, khéo léo đến mức ngôi nhà trở thành tác phẩm của nghệ thuật điêu khắc gỗ), không gian kiến trúc (địa thế, phương vị, tiền án và vườn cây tạo cảnh xung quanh nhà), không gian xã hội (nhà nhất thiết phải gian lẻ, gian giữa là bàn thờ, hương án, hoành phi, câu đối; có thể phân ra gian trên, chái trên; gian dưới, chái dưới...).

Hiện nay, ở Huế còn khoảng 200 ngôi nhà vườn lớn nhỏ, trong đó có khoảng 30 phủ đệ, phần lớn tập trung ở phường Kim Long và Vĩ Dạ.

3. Văn hóa vật thể Huế còn được thể hiện ở quần thể di tích cổ đô. Đây là hệ thống di tích lịch sử- văn hóa với diện tích trên 500 hecta, bao gồm thành quách, cung điện, lăng tẩm, đền miếu... Kinh đô Huế còn là nơi hội tụ những giá trị đặc trưng về cảnh quan, kiến trúc, nghệ thuật tạo hình độc đáo, mang phong cách đặc trưng văn hóa Huế.

4. Đặc trưng tiếp theo của văn hóa vật thể là sự có mặt với mật độ dày đặc các chùa chiền, nhà thờ và các cơ sở thờ tự khác, như điện thờ, thánh thất, đền miếu...

Trước hết Huế là một trung tâm Phật giáo lớn của cả nước với sự có mặt của nhiều chùa chiền cổ, cách ngày nay chừng vài ba thế kỷ. Hiện nay, ở Huế có trên 100 chùa chiền lớn nhỏ, phần nhiều trong số đó nằm ở phía tây thành phố- nơi có những đồi thông ngút ngàn màu xanh. Ngoài ra, ở Huế còn có 13 nhà thờ Thiên chúa giáo, 1 thánh thất Cao đài và hàng ngàn nhà thờ, đền miếu... Đó là những giá trị văn hóa vật thể mang dấu ấn kiến trúc tôn giáo của con người xứ Huế.

5. Văn hóa vật thể Huế còn là điển hình của sự khéo léo, tinh tế cầu kỳ. Có lẽ do yếu tố địa - văn hóa (phong thủy hữu tình), do yếu tố địa - lịch sử (thủ phủ và kinh đô của chúa Nguyễn và triều Nguyễn) nên Huế giữ được sự tinh tế, khéo léo trong các sản phẩm văn hóa của mình, kể cả văn hóa cung đình và văn hóa dân gian. Điều này không chỉ biểu hiện trong văn hóa phi vật thể như các loại hình ca, múa, nhạc, các loại hình nghệ thuật điêu khắc... mà còn ngay trong đời sống văn hóa ẩm thực, trang phục Huế. Nói đến ẩm thực Huế người ta nói ngay đến sự khéo léo, tinh tế đến cầu kỳ trong cách ăn, chế biến và bày biện món ăn. Tinh tế là phải ăn uống nhỏ nhẹ, ý tứ, vừa ăn vừa thưởng thức các hương vị khác nhau trong từng món ăn; cầu kỳ vì cách thức chế biến và bày biện món ăn công phu, tỉ mỉ. GS. Đinh Gia Khánh đã từng nói: “Chúng ta ngắm một mâm cỗ của một người nội trợ Huế thì có cảm giác như đang chiêm ngưỡng một mâm hoa; ở đó đường nét các loài hoa, màu sắc của chúng tạo nên sự hài hòa kỳ lạ. Món lòng gà xào dứa, với gan màu vàng, mè màu tím xòe tám cánh như hoa hồi, dứa tía uốn hình hoa màu ngà trắng, bên trên điểm mấy ngọn ngò xanh, vài tia ớt đỏ. Cả đến giò mỡ cũng bị chìm đi trong sắc vàng của trứng và năm màu của ngũ sắc được xếp khéo léo tài tình.”⁽²⁾

Còn trang phục điển hình nhất của văn hóa Huế là nón Huế và áo dài tím Huế. “Nón xứ Huế có dáng mỏng như tờ giấy, nhẹ nhàng như cánh nhạn, đẹp và bền, được nhiều người ưa thích”⁽³⁾, còn áo dài tím Huế như vẻ đẹp dịu dàng, khiêm nhường, e ấp của người con gái Huế. GS.Ngô Đức Thịnh đã từng viết: màu tím là màu sáng nhẹ nhàng, e ấp, phát ra những bước sóng ngắn nhất để tô điểm thêm thắm mỹ tinh tế của người phụ nữ Huế⁽⁴⁾.

Từ những luận giải như trên, vấn đề đặt ra ở đây là văn minh đô thị Huế cần phát triển như thế nào để phù hợp với đặc trưng văn hóa Huế?

Văn minh đô thị thực chất là giải quyết các vấn đề lớn sau đây: quy hoạch đô thị, hình thành đồng đảo tầng lớp thị dân và quá trình công nhân hóa. Thiếu một trong những vấn đề trên sự phát triển đô thị sẽ lệch lạc, phiến diện và không bền vững; bởi vì quy hoạch đô thị là sự kết hợp tổng thể giữa các vấn đề môi trường, lịch sử, văn hóa và dân cư, còn hình thành đồng đảo tầng lớp thị dân và quá trình công nhân hóa diễn ra mạnh mẽ là quy luật tất yếu của quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đô thị.

Trước hết, nói về quy hoạch đô thị ở thành phố Huế. Quy hoạch đô thị nào cũng phải dựa trên cảnh quan địa hình, đặc trưng văn hóa truyền thống, nhất là các công trình kiến trúc cổ, kiến trúc tôn giáo và các quy luật kinh tế - xã hội của đô thị. Đô thị Huế vì vậy theo chúng tôi phải được quy hoạch trên 6 tiêu vùng sau:

- Vùng đô thị cổ ở bờ Bắc sông Hương: Vùng này bao gồm cả khu vực quần thể di tích cố đô ở phía đông bắc thành phố. Đây là khu vực phân bố dày đặc các di tích lịch sử văn hóa như phủ đệ, hoàng thành, lăng tẩm, nhà vườn, phố cổ Bao Vinh, Gia Hội, Chi Lăng, Chợ Dinh.

Vùng đô thị này cần phát triển theo hướng quy hoạch bảo tồn, trùng tu để phát huy giá trị lịch sử - văn hóa, giá trị kinh tế du lịch là chính.

- Vùng đô thị thương mại - dịch vụ du lịch hai bên bờ sông Hương: Vùng này gồm khu đô thị thương mại Đông Ba - Trần Hưng Đạo ở bờ bắc sông Hương và khu dịch vụ du lịch Lê Lợi - Hùng Vương - Nguyễn Huệ - Nguyễn Sinh Cung - Cồn Hến bên bờ nam sông Hương. Vùng đô thị này nên chú trọng phát triển theo hướng thương mại và dịch vụ du lịch (siêu thị, khách sạn, nhà hàng, khu du lịch vui chơi, nghỉ dưỡng...).

- Vùng đô thị di tích lịch sử - tôn giáo và huyền thoại ở tây nam thành phố: Vùng này bao gồm hệ thống các chùa chiền, đền miếu, đàn tế trời, các lăng tẩm, đôi thông, các hồ... Nên quy hoạch vùng này theo hướng chú trọng màu xanh

thiên nhiên, tượng đài, biểu tượng, di tích, để biến nơi đây thành khu du lịch tôn giáo và huyền thoại tạo nên một không gian tâm linh, không gian tinh thần cho thành phố.

- Vùng công nghiệp hiện đại ở đông nam thành phố: Vùng này tập trung các nhà máy công nghiệp của thành phố như nhà máy dệt may, giấy dếp, gạch men cũng như khu công nghiệp và sân bay Phú Bài...

- Vùng đô thị “kinh tế mở” ở phía đông thành phố: Với tầm nhìn hướng ra biển và lợi thế về thiên nhiên trong lành, mát mẻ, vùng đô thị này sẽ xây dựng các khu kinh tế hiện đại, bao gồm các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu giao lưu buôn bán và dịch vụ du lịch, khu dân cư...

- Vùng đô thị vệ tinh: Vùng này bao gồm các “làng đô thị” ven thành phố, như làng chuyên sản xuất mộc mỹ nghệ, làng sản xuất gốm men lam, làng chuyên canh rau quả, làng hoa, làng dịch vụ du lịch và thương mại... Điều đặc biệt của “làng đô thị” là sự tồn tại 2 thành phần dân cư: dân làng và phi dân làng; trên cơ sở đó quan hệ dòng tộc và quan hệ láng giềng vẫn được duy trì. Vì vậy quan hệ xã hội trong “làng đô thị” hoàn toàn khác với tình làng nghĩa xóm của văn minh đô thị.

Về kinh tế, “làng đô thị” chú ý đến việc tập hợp nguồn lực lao động thành các xí nghiệp vừa và nhỏ bằng cách xây dựng chế độ cổ phần dựa trên sự quản lý của họ tộc, tổ chức tự quản làng xã và bộ máy hành chính nhà nước. Vì vậy “làng đô thị” chú trọng đến chuyên môn hóa nghề nghiệp để tạo nên các sản phẩm có giá trị hàng hóa cao, như mộc mỹ nghệ, gốm men lam, hoa quả tươi ...

Về kết cấu kiến trúc, “làng đô thị” tồn tại các loại nhà cửa sau đây: nhà truyền thống, nhà đô thị hiện đại, nhà thờ họ, đình chùa, nhà mẫu giáo, nhà dưỡng lão...

Sự tồn tại các loại “làng đô thị” như vậy sẽ giải quyết được tình trạng hẫng hụt của quá trình công nhân hóa người nông dân. Điều đó có nghĩa là chấp nhận sự tồn tại một loại cấu trúc xã hội làng trong văn minh đô thị. Chỉ có điều người dân trong “làng đô thị” không còn như người nông dân trước đây quen với lối sống cá nhân, tự cung tự cấp, khép kín, mà xã hội làng đã được mở rộng, lao động của người dân có tính cạnh tranh, tính hàng hóa hơn.

Như vậy, trong quá trình phát triển đô thị Huế, chúng ta không nên chấm dứt, đoạn tuyệt hoàn toàn với cấu trúc xã hội làng xã - một cấu trúc đã ăn sâu vào tâm lý, tình cảm của mọi người dân. Vấn đề là cần chuyển tiếp hợp lý quá trình nông dân - nông thôn - nông nghiệp truyền thống thành quá trình công nhân - “làng đô thị” hiện đại. Làm được điều đó chúng ta sẽ giải quyết được cơ bản một phần vấn đề việc làm và giảm áp lực gia tăng dân số cơ học của văn minh đô thị.

Thứ hai, quá trình thị dân hóa và quá trình công nhân hóa. Đây là quá trình phát triển các quy luật cạnh tranh, buôn bán trong đô thị và quá trình phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất hiện đại. Quá trình phát triển này sẽ giải quyết được vấn đề việc làm và nâng cao tăng trưởng kinh tế của đô thị. Sẽ không thể nào xây dựng được nếp sống văn minh đô thị nếu như đô thị đó không thu hút được nguồn lực lao động, không giải quyết vấn đề việc làm. Số dân lao động tự do, bán thất nghiệp còn nhiều thì không thể nào phát triển văn minh đô thị. Đành rằng giải quyết vấn đề việc làm là hết sức phức tạp nhưng trước hết mỗi lực lượng lao động trong đô thị nhất thiết phải được tổ chức thành các tổ đội có sự điều hành và quản lý, không thể tùy tiện, tự do, mạnh ai nấy làm. Ví như lực lượng lao động bốc xếp bến bãi, xe ôm, xe xích lô, công nhân xây dựng, không thể để họ lao động tự do theo nếp nghĩ, nếp làm của người nông dân, mà phải sắp xếp họ lại thành các tổ chức có sự quản lý và

điều hành. Lao động đô thị là lao động có tính tổ chức, kỷ luật cao, vì vậy phải loại bỏ dần các hàng quán bán rong trên vỉa hè, những lán lều lụp xụp trong đô thị.

Ở đây vấn đề đặt ra là môi trường việc làm của cư dân đô thị. Không giải quyết tốt điều này rất khó nói đến việc xây dựng văn minh đô thị. Môi trường việc làm của đô thị hoàn toàn khác với môi trường nông thôn, nông nghiệp - lao động tự do, tùy tiện. Đó là môi trường của những người công nhân lao động trong các nhà máy, xí nghiệp, các khu chế xuất... Hiện nay, nhiều đô thị ở nước ta, kể cả Huế, hiện tượng số người trong độ tuổi lao động không có việc làm ổn định còn rất nhiều (bằng chứng sinh động là các quán cà phê, quán bia ở vỉa hè luôn chật đông người), nghĩa là họ là người lao động tự do, tùy tiện. Lối sống đó hoàn toàn xa lạ với cư dân đô thị. Và một khi tính tổ chức kỷ luật trong lao động không được chú trọng thì lối sống đô thị dựa trên pháp luật, trên chuẩn mực xã hội một cách tự giác luôn bị xâm phạm, phá vỡ.

Nhiều nhà nghiên cứu văn hóa nước ta đã từng nhận xét, đô thị Việt Nam chỉ là loại hình liên làng và siêu làng, người dân vẫn có thói quen sống trong làng quê, với tính dân dã tùy hứng của thôn quê, vẫn là con người có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp hơn là giao lưu buôn bán ở thị thành và sản xuất trong các nhà máy.

Điều đó hoàn toàn đúng, người Việt Nam quen sống ở làng quê. Trước đây trên 90% dân số Việt Nam là nông dân – nông thôn – nông nghiệp, nay con số đó cũng không dưới 70%. Hơn nữa đô thị Huế cũng như nhiều đô thị khác ở nước ta, con đường đi lên của đô thị là từ Đô (trung tâm chính trị), rồi sau mới là Thị (buôn bán), nên tính dân dã và sự quan liêu là điều không thể tránh khỏi trong quá trình phát triển đô thị Việt Nam.

Vấn đề ở đây là một thành phố muốn phát triển văn minh hiện đại, phải đẩy nhanh quá trình

thị dân hóa (buôn bán với qui luật cạnh tranh kinh tế) và quá trình công nhân hóa (xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất thu hút đầu tư và tập trung ngày càng nhiều nhân lực lao động). Không giải quyết được hai vấn đề này tăng trưởng kinh tế của đô thị sẽ yếu kém và trì trệ. Cái khó của Huế là ở chỗ, nó là thành phố du lịch nên vừa phải chú trọng qui hoạch trùng tu, bảo tồn, vừa quy hoạch phát triển văn minh đô thị. Nếu không chú trọng phát triển mạnh mẽ công nghiệp, thương mại, dịch vụ... thì văn minh hiện đại của thành phố bị hạn chế; nhưng chú trọng đến mức bỏ qua các yếu tố bảo tồn ở đô thị du lịch như Huế thì cũng là điều không nên. Ở đây, chúng ta cần quy hoạch tổng thể thành những khu đô thị bảo tồn và khu đô thị phát triển để khỏi giẫm đạp và chông chéo giữa xu hướng bảo tồn và xu hướng phát triển. Các khu đô thị bảo tồn thì nên khoanh vùng trùng tu bảo quản và nương theo đó để phát huy giá trị (kể cả giá trị kinh tế) cho thành phố, các khu đô thị không cần bảo tồn thì tăng cường mở rộng phát triển văn minh đô thị theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa và thương mại hóa.

Vì lẽ đó, phát triển đô thị Huế không thể làm vội vàng, nhất thời, manh mún, duy ý chí, mà phải chú trọng đến sự kết hợp giữa các yếu tố lịch sử, văn hóa, địa hình, dân cư, với văn minh đô thị.

Làm được điều đó, hy vọng Huế sẽ trở thành một thành phố văn minh hiện đại trong cổ kính và thơ mộng.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1969), *Đại Nam nhất thống chí* (thời Tự Đức) bản dịch của Viện Sử Học, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr.11
2. Đinh Gia Khánh (1989), *Phong vị Việt Nam*, Công ty xuất bản đối ngoại, Hà Nội, tr.169
3. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.284
4. Ngô Đức Thịnh (1994), *Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, Nxb. VHDT. Hà Nội, tr.74